

Tập chí

ISSN 1859-1914



Số tháng 03/2023 (234)

# KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN

CƠ QUAN CỦA HIỆP HỘI KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (VAA)



- ❖ **Các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng kế toán quản trị chi phí tại các công ty xây lắp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**
- ❖ **Thang đo tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ trong các tổ chức**

# TẠP CHÍ KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN

Tạp chí điện tử link: [tapchiketoankiemtoan.vn](http://tapchiketoankiemtoan.vn)

Cơ quan ngôn luận của Hiệp hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam



## CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

**PGS.TS. Đặng Văn Thanh**

## HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

**GS. TS. Ngô Thế Chi**

**GS. TS. Trương Bá Thanh**

**GS.TS. Đoàn Xuân Tiên**

**GS.TS. Nguyễn Hữu Ánh**

**PGS. TS. Mai Ngọc Anh**

**TS. Nguyễn Thành Cường**

**PGS.TS. Trần Mạnh Dũng**

**PGS. TS. Phan Thanh Hải**

**PGS. TS. Phạm Đức Hiếu**

**PGS. TS. Mai Thị Hoàng Minh**

**PGS. TS. Nguyễn Công Phương**

**PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh**

**TS. Nguyễn Thị Hồng Thúy**

**TS. Nguyễn Chí Trang**

**Th.S. Trịnh Đức Vinh**

**Th.S. Hà Thị Tường Vy**

## TỔNG BIÊN TẬP

**GS.TS. Chúc Anh Tú**

## PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

**Th.S. Đàm Thị Lệ Dung**

## BAN BIÊN TẬP

**Th.S. Đàm Thị Lệ Dung**

**TS. Phạm Thị Thúy Hằng**

**TS. Phí Thị Diễm Hồng**

**TS. Nguyễn Thị Thu Hiền**

**PGS.TS. Nguyễn Đăng Huy**

**PGS.TS. Phạm Quang Huy**

**CN. Vũ Hữu Nam**

**PGS. TS. Nguyễn Thị Hồng Nga**

**Th.S. Phạm Ngọc Hoàng Thanh**

**TS. Phạm Quốc Thuần**

**PGS.TS. Trần Văn Tùng**

## VẤN ĐỀ HÔM NAY

**3-4** Triển khai quyết liệt với các giải pháp đồng bộ, thiết thực

**Đặng Văn Thanh**

**4-5** Con số biết nói

## NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI

**6-15** Ảnh hưởng của nguyên tắc thận trọng trong kế toán đến hiệu quả của các doanh nghiệp niêm yết trên Sàn Chứng khoán Hà Nội

**Đình Thế Hùng - Nguyễn Lê Thuỷ - Mai Tố Quyên**

**- Lê Yến Nhi - Vũ Diệu Linh**

**16-22** Vai trò kế toán quản trị môi trường trong ảnh hưởng đến công bố thông tin kế toán môi trường, sự cần thiết vận dụng tại các doanh nghiệp sản xuất ở Việt Nam

**Trần Đức Duy - Trần Thị Hồng Mai**

**23-27** Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi học tập suốt đời - Nghiên cứu thực nghiệm người làm công tác kế toán tại Việt Nam

**Hà Xuân Thạch - Trần Anh Hoa -**

**Trần Thị Phương Thanh - Nguyễn Ngọc Hùng**

**28-33** Các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng kế toán quản trị chi phí tại các công ty xây lắp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

**Trần Văn Tùng**

**34-37** Thang đo tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ trong các tổ chức

**Trần Thị Bích Duyên - Đường Nguyễn Hưng**

**38-41** Tăng cường giáo dục tài chính nhằm thúc đẩy tài chính toàn diện tại Việt Nam

**Phan Thị Anh Đào**

**42-48** Ảnh hưởng của các yếu tố tài chính đến hiệu quả hoạt động của các công ty phi tài chính niêm yết tại Việt Nam

**Nguyễn Ngọc Minh - Nguyễn Thành Cường**

**49-55** Nghiên cứu về tác động của quản trị rủi ro doanh nghiệp đến lợi thế cạnh tranh và hiệu quả hoạt động doanh nghiệp: Vai trò của công nghệ thông tin và văn hóa tổ chức

**Phạm Trà Lam - Mai Thị Hoàng Minh - Phan Đoàn Trúc Phương**

**Lê Minh Hoàng - Lê Thị Quý Anh - Ngô Từ Thiện - Hiền Ngọc Thịnh**

**56-59** Ảnh hưởng của đặc điểm doanh nghiệp với vấn đề xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ

**Nguyễn Thị Khánh Vân**

**60-64** Lý thuyết ngẫu nhiên trong nghiên cứu kế toán quản trị

**Hoàng Thị Bích Ngọc**

**65-69** Kinh nghiệm quốc tế về triển khai áp dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán Nhà nước

**Nguyễn Văn Hậu**

**TRƯỞNG BAN TRỊ SỰ**

**Đỗ Hải Bình**

**THU KÝ TÒA SOẠN**

**Phạm Cúc**

**GIẤY PHÉP XUẤT BẢN**

**Số 540/GP – BTTTT ngày 23/8/2021  
của Bộ Thông tin và Truyền thông**

**TRỤ SỞ TÒA SOẠN**

**Số 192 Giải Phóng,  
phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân,  
Thành phố Hà Nội  
ĐT 024.38689347  
Email: banbientapvaa@gmail.com**

**THIẾT KẾ - CHẾ BẢN**

**Công ty Cổ phần In Tài chính**

**IN TẠI**

**Công ty Cổ phần In Tài chính**

**Giá: 20.000đ**

- 70-78** Phân tích tác động của công nghệ thông tin đến kiểm toán nội bộ của các doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh  
**Nguyễn Thị Ngọc Diệp - Nguyễn Thị Quế**
- 79-84** Điện toán đám mây - Giải pháp ứng dụng công nghệ số vào hoạt động kế toán cho các doanh nghiệp trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0  
**Phan Thị Thúy Quỳnh**
- 85-86** Ảnh hưởng của công nghệ thông tin đối với nghề kế toán và giáo dục kế toán  
**Đỗ Thị Thu Thủy**
- 87-93** Khả năng hiện hữu của kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam - Mô hình nghiên cứu đề xuất  
**Lê Thị Thanh Mỹ - Dương Thanh Huy - Võ Hồng Hà**
- 94-99** Các nhân tố ảnh hưởng đến lựa chọn công ty cung cấp dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp thương mại tại Thành phố Hồ Chí Minh  
**Ngô Ngọc Nguyên Thảo**
- 100-103** Vận dụng kế toán quản trị tại các doanh nghiệp sản xuất ở Việt Nam  
**Nguyễn Thị Mai Hương**
- 104-109** Các nhân tố ảnh hưởng đến tính minh bạch thông tin trên báo cáo tài chính của các đơn vị hành chính tại Bạc Liêu  
**Trần Phương Hải**
- 110-112** Kế toán trái phiếu chuyển đổi theo IFRS 9  
**Trình Quốc Việt**
- 113-116** Các giải pháp nâng cao chất lượng thực tập tốt nghiệp cho sinh viên ngành kế toán tại Trường Đại học An Giang  
**Trịnh Thị Hợp**
- 117-122** Tác động của chất lượng dịch vụ đào tạo các học phần dạy học dựa vào dự án đến sự hài lòng của sinh viên Trường Đại học Vinh  
**Phạm Thị Kim Yến - Phan Thị Nhật Linh - Hồ Thị Giang - Hoàng Thị Diệu Thúy - Đinh Thị Loan - Võ Thảo Linh - Trần Thị Ngân**
- 123-128** Ảnh hưởng của quản trị công ty đến quản trị lợi nhuận của các công ty niêm yết Việt Nam  
**Nguyễn Văn Trâm**
- 129-133** Trí tuệ nhân tạo trong kế toán – Thời đại mới của kế toán  
**Hoàng Hải Yến**
- 134-140** Nghiên cứu vai trò trung gian của động lực làm việc trong mối quan hệ giữa trách nhiệm xã hội doanh nghiệp và hiệu quả công việc của nhân viên tại các doanh nghiệp Việt Nam - Tổng quan nghiên cứu  
**Mai Thị Lệ Huyền - Đỗ Huyền Trang  
Nguyễn Trà Ngọc Vy - Lương Thị Thúy Diễm**
- 141-148** Đo lường tác động của các nhân tố đến chất lượng dịch vụ kế toán tại các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kế toán ở Việt Nam  
**Trần Thị Yến - Phan Thị Huyền Trang - Nguyễn Thị Trà My - Phan Thị Chung - Trần Thị Mỹ Hợp**
- 149-154** Nghiên cứu tác động của sự tham gia dự toán ngân sách đến kết quả công việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định  
**Lê Nữ Như Ngọc - Đỗ Huyền Trang - Lê Mộng Huyền**

# Tác động của chất lượng dịch vụ đào tạo các học phần dạy học dựa vào dự án đến sự hài lòng của sinh viên Trường Đại học Vinh

 TS. Phạm Thị Kim Yến - Th.S. Phan Thị Nhật Linh - Hồ Thị Giang  
Hoàng Thị Diệu Thúy - Đinh Thị Loan - Võ Thảo Linh - Trần Thị Ngân\*

Nhận: 18/02/2023

Biên tập: 19/02/2023

Duyệt đăng: 05/03/2023

DOI: <https://doi.org/10.59006/vnfa-jaa.03202314>

## Tóm tắt

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để đo lường mức độ ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ đào tạo các học phần dạy học dựa vào dự án đến sự hài lòng của sinh viên tại Trường Đại học Vinh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 4 trong 6 nhân tố đề xuất trong mô hình nghiên cứu, ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên bao gồm: Đề cương các học phần dạy học dựa vào dự án; giảng viên giảng dạy các học phần dạy học dựa vào dự án, cơ sở vật chất, hoạt động ngoại khóa và hướng nghiệp.

**Từ khóa:** chất lượng dịch vụ đào tạo, học phần dạy học dựa vào dự án, sự hài lòng của sinh viên.

## Abstracts

In this study, we use a quantitative research method to measure the impact of training service quality of project-based learning on student satisfaction at Vinh University. Research results show that there are 4 out of 6 factors proposed in the research model affecting student satisfaction, including Project-based course outlines, lecturers, cramped facilities, extracurricular activities, and career guidance.

**Keys words:** training service quality, project-based learning, student satisfaction.

**JEL:** I00, I20, I29.

## 1. Đặt vấn đề

Cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 đã và đang tác động tới nhiều lĩnh vực, ảnh hưởng mạnh mẽ tới thị trường lao động, cơ cấu ngành nghề và trình độ của người lao động. Hay nói cách khác, ngành giáo dục cần đổi mới để đào tạo những lao động có đầy đủ kiến thức, kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp có khả năng thích nghi với sự biến đổi nhanh chóng của xã hội. Thực tế cho thấy, giáo dục Việt Nam đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ và dần hội nhập với nền giáo dục thế giới. Điều này, cũng tạo ra không ít thách

thức cho các cơ sở đào tạo tại Việt Nam. Để có thể tồn tại và phát triển, các trường học phải nâng cao chất lượng dịch vụ đào tạo, xây dựng hình ảnh và thương hiệu của mình, để thu hút người học. Do vậy, hoạt động giáo dục ngày nay không đơn thuần là đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội nữa, mà nó được công nhận là một loại hình dịch vụ đặc biệt – dịch vụ đào tạo.

Trường Đại học Vinh cũng không nằm ngoài xu hướng đó, hiện nay nhà trường đang chú trọng cung

cấp các dịch vụ đào tạo phục vụ quá trình học tập nói chung và các học phần theo dự án nói riêng, như: cơ sở vật chất (trang thiết bị, thư viện, giáo trình...), nhân viên, hệ thống dịch vụ thông tin liên lạc, mạng internet, các dịch vụ hỗ trợ tài chính... Tuy nhiên, chất lượng các dịch vụ đào tạo các học phần theo dự án tại Trường Đại học Vinh có thực sự tốt và đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên, học viên của trường hay không? Đây chính là vấn đề rất đáng quan tâm. Vì vậy, bài viết này sẽ thảo luận về các nhân tố tác động đến sự hài lòng của sinh viên về chất lượng dịch vụ (CLDV) đào tạo của các học phần dạy học dựa vào dự án tại trường Đại học Vinh và đưa ra một số đề xuất, kiến nghị, nhằm nâng cao sự hài lòng của sinh viên về chất lượng các dịch vụ đào tạo.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Hishamuddin Fitri Abu Hasan, Aleen Ilias (2008), với nghiên cứu “CLDV và sự hài lòng của sinh viên: nghiên cứu điển hình tại các cơ sở giáo dục đại học tư thục”, thông qua mô hình Servqual của Parasuraman cùng với 200 bảng câu hỏi được thu thập từ sinh viên là những cử nhân của 02 cơ sở giáo

\*Khoa Kế toán, Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh

đại học tư thục, tác giả đã chỉ ra có 5 yếu tố có ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên, bao gồm: sự đồng cảm, sự đảm bảo, tính hữu hình, khả năng đáp ứng và độ tin cậy. Nghiên cứu chỉ ra rằng, 02 nhân tố bao gồm sự đồng cảm và đảm bảo tác động tích cực tới sự hài lòng của sinh viên.

Narueban Yamaqupta (2014), với mục đích nghiên cứu mối quan hệ giữa CLDV, chất lượng học tập và sự hài lòng của sinh viên các trường đại học Chính phủ miền Nam Thái Lan. Thông qua thang đo Servqual và Perval, cùng với những câu trả lời của các sinh viên đang theo học tại 10 trường đại học công lập ở khu vực miền Nam Thái Lan. Nghiên cứu đã chỉ ra, có 4 yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên, bao gồm: sự thỏa mãn, chất lượng phục vụ, chất lượng học tập và giá trị sinh viên.

Mordekai Ochieng Onggo (2019) thông qua dữ liệu được thu thập từ 376 sinh viên quốc tế đến từ 77 quốc gia khác nhau đang theo học tại 8 trường đại học công lập hoặc tư thục ở Indiana và Michigan. Sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, tác giả đã đề xuất mô hình nghiên cứu có 5 nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kiểm tra nhận thức về CLDV và sự hài lòng của sinh viên quốc tế tại các trường đại học ở Indiana và Michigan, gồm: sự hữu hình (1); độ tin cậy (2); khả năng đáp ứng (3); sự đảm bảo (4); sự đồng cảm (5).

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra, có 03 nhân tố gồm sự hữu hình, độ tin cậy và sự đồng cảm có tác động đến kết quả kiểm tra nhận thức về CLDV và sự hài lòng của sinh viên quốc tế tại các trường đại học ở In-

diana và Michigan. Trong đó, sinh viên quan tâm nhiều hơn đến sự hữu hình và sự đồng cảm.

Mohamad Tarif Sibai (2021), nghiên cứu đánh giá CLDV và sự hài lòng của sinh viên Dược tại một trong những trường cao đẳng y tế tư nhân ở Ả Rập Saudi bằng mô hình SERVQUAL. Cụ thể, tác giả đã tìm cách xác định hồ sơ của người trả lời về giới tính, cấp học và điểm trung bình; CLDV sử dụng mô hình Servqual; sự hài lòng của sinh viên đối với các dịch vụ đại học được cung cấp; khía cạnh CLDV và hồ sơ nào dự đoán tốt nhất sự hài lòng chung của sinh viên. Sử dụng thống kê mô tả” và phân tích hồi quy bội để phân tích dữ liệu, nghiên cứu này có 189 người trả lời, tác giả đã kết luận có 03 yếu tố có ảnh hưởng tới sự hài lòng của sinh viên, đó là khả năng đáp ứng, đảm bảo và tính hữu hình.

Bùi Thị Ngọc Ánh, Đào Thị Hồng Vân (2013) nghiên cứu: “Khảo sát sự hài lòng của sinh viên về chất lượng đào tạo tại trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội” bằng phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua bảng hỏi, để thu thập thông tin và nghiên cứu định tính thông qua phỏng vấn sâu một số sinh viên cùng các biến số như biến độc lập, biến phụ thuộc, biến kiểm soát.

Nhóm tác giả đã chỉ ra 4 nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Kinh tế: cơ sở vật chất, giảng viên, chương trình đào tạo và khả năng phục vụ. Trong đó, tác động mạnh nhất đến sự hài lòng của sinh viên là thành phần chương trình đào tạo; tiếp đến là cơ sở vật chất; thứ ba là thành

phần khả năng phục vụ và thành phần giảng viên.

Phạm Thị Liên (2016) nghiên cứu về: “Chất lượng dịch vụ đào tạo và sự hài lòng của người học Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội”, thông qua 160 bảng trả lời được thu về (trong đó phần lớn đối tượng tham gia khảo sát là nữ chiếm 80.625%), tác giả đã chỉ ra 3 yếu tố ảnh hưởng, bao gồm: cơ sở vật chất (1); chương trình đào tạo (2); khả năng phục vụ (3). Trong đó, chương trình đào tạo là yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến sự hài lòng của sinh viên trong kết quả khảo sát (chiếm 34,6%)

Nguyễn Thị Ngọc Xuân (2018), tác giả đã đề xuất mô hình nghiên cứu có 5 nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về CLDV giáo dục của Trường Đại học Trà Vinh: tiếp cận dịch vụ giáo dục (1); cơ sở vật chất (2); môi trường giáo dục (3); hoạt động giáo dục (4) và kết quả giáo dục (5).

Kết quả đo lường cho thấy, cả 5 nhân tố ảnh hưởng đến CLDV giáo dục của nhà trường đều có ảnh hưởng cùng chiều lên sự hài lòng của sinh viên, trong đó: ảnh hưởng mạnh nhất là kết quả giáo dục; tiếp đến là hoạt động giáo dục, môi trường giáo dục, cơ sở vật chất; nhân tố tiếp cận dịch vụ giáo dục có ảnh hưởng thấp hơn lên sự hài lòng của sinh viên.

Dương Thanh Quốc, Trương Trí Thông (2021), với mục tiêu phân tích mức độ hài lòng của sinh viên đối với CLDV đào tạo ngành Quản trị khách sạn tại Trường Cao đẳng Kiên Giang, bằng việc kết hợp các kỹ thuật như thống kê mô tả (dưới dạng giá trị trung bình), phân tích phương sai Anova, kiểm định trung

binh 02 mẫu độc lập và phân tích tương quan biến, cùng với phản hồi 242 sinh viên đang học ngành Quản trị khách sạn Khóa 12 và 13 tại Trường Cao đẳng Kiên Giang. Tác giả đã chỉ ra, 5/6 nhân tố được sinh viên đánh giá nằm ở mức độ hài lòng, bao gồm: chương trình đào tạo; giảng viên; cơ sở vật chất; nhân viên và cán bộ nhà trường; hoạt động thực tế.

Ao Thu Hoài và cộng sự (2021), nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu xác định ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ đào tạo ngành Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Tài chính – Marketing tới sự hài lòng của sinh viên, trong bối cảnh giáo dục cao đẳng – đại học ở Việt Nam. Trên cơ sở tổng quan lý thuyết, cơ bản dựa vào mô hình HEDPERF có thay thế một biến và dữ liệu khảo sát thực tiễn, nhóm nghiên cứu tiến hành khám phá mối quan hệ ràng buộc qua mô hình cấu trúc tuyến tính, sử dụng phương pháp định tính qua hai giai đoạn: phân tích khám phá nhằm xây dựng mô hình và bổ sung, loại bỏ thang đo, tiếp đến là nghiên cứu định lượng, với mẫu có kích thước 509.

Kết quả cho thấy, các yếu tố: phi học thuật, học thuật, cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, chất lượng dịch vụ đào tạo và sự hài lòng của sinh viên, có mối quan hệ ảnh hưởng thuận chiều. Kết quả nghiên cứu đã đưa ra một số hạn chế về CLDV của khoa, của trường và qua đó, đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện kịp thời.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

#### 3.1. Thu thập dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp. Dữ liệu thứ cấp được thu thập

để thực hiện tổng quan nghiên cứu, tổng quan các tài liệu về đào tạo trực tuyến. Nguồn dữ liệu sơ cấp được thu thập thông tin qua phiếu khảo sát. Phiếu khảo sát được gửi trực tiếp, gửi qua email. Đối tượng trả lời phiếu khảo sát là các bạn sinh viên hệ chính quy từ khóa 60, 61, 62 của Trường Đại học Vinh. Đây là những người đã và đang tham gia học tập tại trường.

Với dữ liệu khảo sát thu được về các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên, tác giả sẽ thực hiện kiểm định Cronbach Alpha và phân tích EFA, phân tích hồi quy. Để phân tích EFA thì kích thước mẫu tối thiểu là gấp 5 lần tổng số biến quan sát (Hair và cộng sự, 2006, trích trong Nguyễn Đình Thọ, 2014), mà có tất cả 35 biến quan sát nên kích thước mẫu tối thiểu là 175; phân tích hồi quy để xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố, nên kích thước mẫu tối thiểu là  $n \geq 50 + 8 * m$  (m: số biến độc lập) (Tabachnick và Fidell, 2007 trích trong Nguyễn Đình Thọ, 2014). Mô hình có 6 biến độc lập (32 thang đo) và 01 biến phụ thuộc (03 thang đo), quy mô mẫu tối thiểu là 98. Như vậy, quy mô mẫu tối thiểu là 175.

#### 3.2. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

Căn cứ vào mô hình CLDV Servqual được phát triển bởi Parasuraman, Zeithmal và Berry (1988) và kết quả các nghiên cứu trước đây mục tiêu là nghiên cứu tác động của chất lượng dịch vụ đào tạo đến sự hài lòng của sinh viên về các học phần dạy học. Dựa vào dự án tại Trường Đại học Vinh, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu có 6 biến độc lập, bao gồm: (1) đề cương các học phần dạy học dựa vào dự án; (2) giảng viên giảng dạy các học phần dạy học dựa vào dự án; (3) cơ sở vật chất; (4) hỗ trợ nghề nghiệp và ngoại khoá; (5) hỗ trợ tài chính; và (6) các dịch vụ khác (Hình 1).

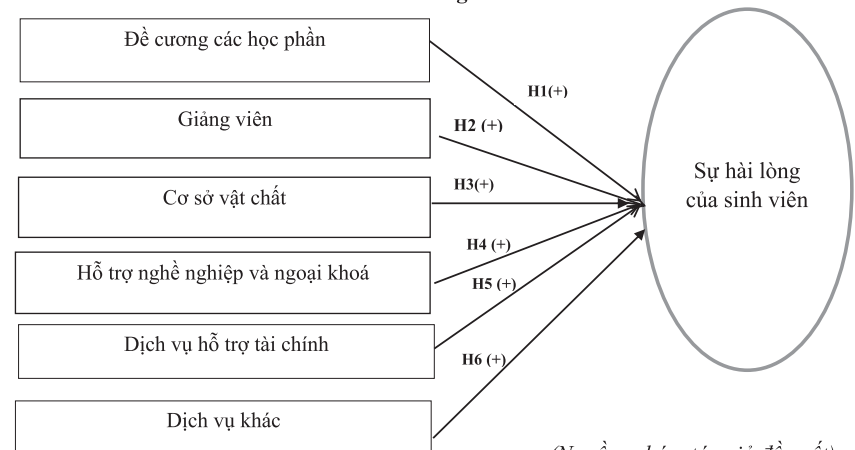
H1: đề cương các học phần dạy học dựa vào dự án có ảnh hưởng tích cực đến sự hài lòng của sinh viên.

H2: giảng viên giảng dạy các học phần dạy học dựa vào dự án có ảnh hưởng tích cực đến sự hài lòng của sinh viên.

H3: cơ sở vật chất có ảnh hưởng tích cực đến sự hài lòng của sinh viên.

H4: hỗ trợ nghề nghiệp và ngoại khoá có ảnh hưởng tích cực đến sự hài lòng của sinh viên.

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



(Nguồn: nhóm tác giả đề xuất)

H5: dịch vụ hỗ trợ tài chính có ảnh hưởng tích cực đến sự hài lòng của sinh viên.

H6: các dịch vụ khác có ảnh hưởng tích cực đến sự hài lòng của sinh viên.

**4. Kết quả nghiên cứu**

**Kết quả đánh giá độ tin cậy**

Thang đo các biến cho thấy, các biến đều có hệ số Cronbach Alpha từ 0.772 đến 0.880 (Bảng 1).

**Bảng 1: Kết quả đánh giá độ tin cậy các thang đo**

Thang đo	Số biến quan sát	Hệ số Cronbach Alpha
Đề cương các học phần	5	0.877
Giảng viên	7	0.862
Cơ sở vật chất	5	0.876
Hỗ trợ nghề nghiệp và ngoại khoá	5	0.856
Dịch vụ hỗ trợ tài chính	5	0.880
Dịch vụ khác	4	0.837
Sự hài lòng của sinh viên	3	0.772

(Nguồn: nhóm tác giả đề xuất)

**Bảng 2: Hệ số KMO và kiểm định Bartlett's cho biến độc lập**

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		0.840
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	6254.553
	Df	435
	Sig.	0.000

(Nguồn: kết quả phân tích SPSS của tác giả)

**Bảng 3: Kết quả phân tích EFA cho biến sự hài lòng của sinh viên**

Kết quả kiểm định KMO and Bartlett's Test						
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		0.665				
Bartlett's Test of Sphericity		Approx. Chi-Square		323.144		
		Df		3		
		Sig.		0.000		
Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulati %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	2.065	68.828	68.828	2.065	68.828	68.828
2	0.588	19.592	88.420			
3	0.347	11.580	100.000			

(Nguồn: kết quả phân tích SPSS của tác giả)

**Kết quả phân tích EFA cho biến độc lập**

- Kết quả kiểm định cho 30 biến quan sát (sau khi loại biến HD1,HD5) có hệ số KMO = 0,840, thỏa mãn điều kiện ( $0,5 < 0,840 < 1$ ), giá trị Sig = 0,000 < 0,05. Do đó, phân tích nhân tố là phù hợp với dữ liệu thu thập, các biến có tương quan với nhau và đủ điều kiện để phân tích nhân tố EFA.

- Kết quả phân tích EFA với tiêu chuẩn giá trị Eigenvalues > 01, thì có 6 nhân tố được rút trích với tổng phương sai trích là 65,773% (> 50%), tất cả hệ số tải các nhân tố đều > 0,5, các biến đều thỏa mãn giá trị hội tụ và giá trị phân biệt. Do đó, các thang đo đều có giá trị cao để đánh giá các biến tương ứng (Bảng 2).

**Kết quả phân tích EFA cho biến phụ thuộc**

- Kết quả kiểm định có hệ số KMO = 0,665, thỏa mãn điều kiện, giá trị Sig = 0,000 < 0,05. Do đó, phân tích nhân tố là phù hợp với dữ liệu thu thập, các biến có tương quan với nhau và đủ điều kiện để phân tích EFA. Kết quả phân tích nhân tố với tiêu chuẩn giá trị Eigenvalues > 01, có 01 nhân tố được rút trích với tổng phương sai trích là 68,828% (> 50%) (Bảng 3).

**Phân tích hồi quy**

- Hệ số xác định hiệu chỉnh R square = 0,580, do đó các biến độc lập giải thích được 58% sự biến thiên của biến phụ thuộc, nên có thể sử dụng mô hình này cho nghiên cứu.

- Biến dịch vụ hỗ trợ tài chính có giá trị Sig. = 0,103 > 0,05, do đó giả thuyết H4 chưa được chấp nhận. Điều này có nghĩa, nhân tố dịch vụ hỗ trợ tài chính không có tác động đến sự hài lòng của sinh viên đối với các học phần dạy học dựa vào dự án với mức ý nghĩa 5%.

- Biến dịch vụ khác có giá trị Sig. = 0,156 > 0,05, do đó giả thuyết H6 chưa được chấp nhận. Điều này cho thấy, nhân tố dịch vụ khác không có tác động đến sự hài lòng của sinh viên về các học phần dạy học dựa vào dự án, với mức ý nghĩa là 5%.

- Các biến còn lại bao gồm: (1) Đề cương các học phần dạy học dựa vào dự án; (2) Giảng viên giảng dạy các học phần dạy học dựa vào dự án; (3) Cơ sở vật chất; (4) Hoạt động hướng nghiệp và ngoại khóa có mức ý nghĩa Sig. = 0,000 < 0,05, do đó các biến này có tác động sự hài lòng của sinh viên. Trong các biến có tác động, thì biến Giảng viên giảng dạy các học phần dạy học dựa vào dự án có hệ số  $\beta = 0.315$  là lớn nhất. Điều này có nghĩa, biến này có tác động lớn nhất đến sự hài lòng của sinh viên, tiếp đến là đề cương các học phần dạy học dựa vào dự án, cơ sở vật chất, hoạt động hướng nghiệp và ngoại khóa. Cụ thể:

+ Đề cương các học phần dạy học dựa vào dự án có hệ số  $\beta = 0.265$ , hệ số này dương. Có nghĩa, biến này có tác động tích cực đến sự hài lòng của sinh viên đối với các học phần dạy học dựa vào dự án. Giả thuyết H1 được chấp nhận.

+ Giảng viên giảng dạy học phần dạy học dựa vào dự án có hệ số  $\beta = 0.315$ , hệ số này dương và tương đối cao. Có nghĩa, biến này có tác động tích cực đến sự hài lòng của sinh viên đối với các học phần dạy học dựa vào dự án. Giả thuyết H2 được chấp nhận.

+ Cơ sở vật chất có hệ số  $\beta = 0.221$ , hệ số này dương. Có nghĩa, biến này có tác động tích cực đến sự hài lòng của sinh viên đối với các học phần dạy học dựa vào dự án. Giả thuyết H3 được chấp nhận.

+ Dịch vụ hỗ trợ tài chính có hệ số  $\beta = 0.060$ , sig. = 0.103 > 0.05, nên giả thuyết H4 chưa được chấp nhận. Điều này có nghĩa, nhân tố dịch vụ hỗ trợ tài chính không có tác động đến sự hài lòng của sinh viên đối với các học phần dạy học, dựa vào dự án với mức ý nghĩa 5%.

**Bảng 4: Kết quả phân tích hồi quy biến phụ thuộc ra quyết định Hệ số tổng hợp mô hình hồi quy**

Model	R	R <sup>2</sup>	R <sup>2</sup> điều chỉnh	Sai số chuẩn
1	0,766 <sup>a</sup>	0,587	0,580	0,30862

**Hệ số hồi quy**

Mô hình		Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	Giá trị T	Mức ý nghĩa
		B	Sai số chuẩn	Beta		
1	Hằng số	-0.265	0.178		-1.490	0.137
	DC	0.257	0.039	0.265	6.614	0.000
	GV	0.330	0.043	0.315	7.645	0.000
	VC	0.200	0.032	0.221	6.252	0.000
	TC	0.057	0.035	0.060	1.635	0.103
	HD	0.196	0.038	0.210	5.203	0.000
	DVK	0.049	0.035	0.051	1.420	0.156

(Nguồn: kết quả phân tích SPSS của nhóm tác giả)

+ Hoạt động hướng nghiệp và ngoại khóa có hệ số  $\beta = 0.210$ , hệ số này dương. Có nghĩa, biến này có tác động tích cực đến sự hài lòng của sinh viên đối với các học phần dạy học dựa vào dự án. Giả thuyết H5 được chấp nhận.

Như vậy, tác động của chất lượng dịch vụ đào tạo đến sự hài lòng của sinh viên về các học phần dạy học, dựa vào dự án tại Trường Đại học Vinh chịu ảnh hưởng bởi 4 nhân tố: đề cương các học phần dạy học dựa vào dự án; giảng viên giảng dạy các học phần dạy học dựa vào dự án; cơ sở vật chất; hoạt động hướng nghiệp và ngoại khóa.

Mối quan hệ giữa biến phụ thuộc và biến độc lập được biểu diễn dưới dạng phương trình hồi quy, như sau:

$$HL = 0,265DC + 0,315 GV + 0,221 VC + 0,21 HD$$

**5. Kết luận và kiến nghị**

Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp sau

đây để nâng cao sự hài lòng của sinh viên về các học phần dạy học theo dự án tại Trường Đại học Vinh. Cụ thể:

*Đề cương chi tiết học phần dạy học dựa vào dự án:* nhà trường cần thường xuyên rà soát đề cương chi tiết của các học phần để cập nhật phù hợp; xây dựng đề cương chi tiết đạt chuẩn đầu ra; tăng thời lượng thực hành đối với các học phần dạy học dựa vào dự án; xây dựng các chương trình tham quan thực tế tại doanh nghiệp để ứng dụng vào dự án của sinh viên; đưa ra tiêu chí đánh giá chi tiết và phù hợp với chuẩn đầu ra. Ngoài ra, các nội dung trong đề cương chi tiết học phần cần được phổ biến rộng rãi trên các kênh thông tin của trường và được giảng viên hướng dẫn cụ thể hơn cho sinh viên.

*Giảng viên giảng dạy các học phần dạy học dựa vào dự án:* giảng viên phải lựa chọn được các nội dung trọng tâm, để truyền tải và đưa ra bộ câu hỏi định hướng cho



sinh viên tự nghiên cứu; tăng cường thời lượng trao đổi thông tin giữa người dạy và người học; thay đổi phương pháp giảng dạy và sử dụng linh hoạt; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tiến độ và kết quả thực hiện dự án của sinh viên.

**Cơ sở vật chất:** kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, cơ sở vật chất là một trong những yếu tố chính ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về các học phần dạy học dựa vào dự án tại Trường Đại học Vinh. Để góp phần nâng cao sự hài lòng của sinh viên về yếu tố này, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp, như sau: (1) đảm bảo đủ phòng học và số lượng bàn ghế cho sinh viên tham gia học tập, không để phòng học chật hẹp, sinh viên quá đông; (2) trang bị đầy đủ các trang thiết bị và học cụ, thường xuyên sửa chữa những thiết bị hư hỏng như: micro, máy chiếu, bảng để đảm bảo chất lượng buổi giảng dạy của giảng viên. Trang bị micro không dây, nâng cấp tốc độ wifi; (3) xây dựng thêm các phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm và cơ sở vật chất đáp ứng được nhu cầu học tập và nghiên cứu của sinh viên; (4) nâng cấp trang web của nhà trường, để đáp ứng được số lượng lớn nhu cầu sử dụng của sinh viên, đặc biệt trong thời gian đăng ký môn học hoặc qua Elearning; (5) cung cấp đầy đủ, đa dạng giáo trình/tài liệu học tập của mỗi môn học; (6) cải thiện thư viện, phòng tự học đảm bảo không gian, chỗ ngồi đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu của sinh viên.

**Hoạt động hướng nghiệp và ngoại khóa:** nhà trường cần cải thiện hơn nữa các hoạt động hướng nghiệp, tăng cường tổ chức các

buổi tham quan, thực tế tại doanh nghiệp; tổ chức nhiều chương trình giao lưu giữa sinh viên và doanh nghiệp để giới thiệu việc làm, định hướng nghề nghiệp; xây dựng kế hoạch hoạt động ngoại khóa một cách chi tiết, cụ thể thông qua kế hoạch năm học và của từng khóa; tăng cường công tác quản lý trong thực hiện hoạt động ngoại khóa; đổi mới nâng cao chất lượng các nội dung và các hình thức tổ chức ngoại khóa; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và kinh phí tổ chức cho hoạt động ngoại khóa; bồi dưỡng kỹ năng tổ chức hoạt động ngoại khóa cho sinh viên; đa dạng hóa các chương trình.

Qua nghiên cứu, nhóm tác giả nhận diện được 4 nhân tố có tác động đến sự hài lòng của sinh viên về các học phần dạy học dựa vào dự án Trường Đại học Vinh, bao gồm: (1) đề cương các học phần dạy học dựa vào dự án; (2) giảng viên giảng dạy các học phần dạy học dựa vào dự án; (3) cơ sở vật chất; (4) dịch vụ hỗ trợ nghề nghiệp và ngoại khóa. Trong 4 nhân tố này, nhân tố giảng viên giảng dạy các học phần dạy học dựa vào dự án có tác động mạnh nhất đến sự hài lòng của sinh viên, về các học phần dạy học dựa vào dự án. Đồng thời, nhóm tác giả đã kiến nghị một số giải pháp để nâng cao sự hài lòng của sinh viên trong các học phần dạy học, dựa vào dự án tại Trường Đại học Vinh. ■

### Tài liệu tham khảo

Nguyễn Thúy An. (2017). "Examining the relationship between service quality and student satisfaction in undergraduate accounting program", theo *Tạp chí Công Thương*.

Bùi Thị Ngọc Ánh, Đào Thị Hồng Vân. (2013). "Khảo sát sự hài lòng của sinh viên về CLĐT tại Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội" - *Nghiên cứu Khoa học*.

Huỳnh Thị Kim Duyên. (2016). "Nghiên cứu sự hài lòng của sinh viên đối với dịch vụ đào tạo tại Trường Đại học Tài chính - Kế toán" *Luận văn Thạc sĩ Quản trị kinh doanh*.

Ao Thu Hoài và cộng sự. (2021). "Ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Tài chính - Marketing đến sự hài lòng của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh" *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Marketing*, số 62 - 4/2021.

Nguyễn Khải Hoàn, Nguyễn Phương Thảo. (2017). "Nghiên cứu mối quan hệ giữa chất lượng dịch vụ đào tạo với sự hài lòng của sinh viên Trường Đại học Tân Trào", *Tạp chí Khoa học Đại học Tân Trào*, số 06 (2017) trang 59-63.

Phạm Thị Liên. (2016). "Chất lượng dịch vụ đào tạo và sự hài lòng của người học - Trường hợp Trường Đại học Kinh tế, Đại học quốc gia Hà Nội", *Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội: Kinh tế và Kinh doanh*, tập 32, số 4 (2016) trang 81-89.

Thái Thị Cẩm Nhung. (2015). "Đo lường chất lượng dịch vụ đào tạo tại Trường Cao đẳng Thương mại Đà Nẵng", *Luận văn Thạc sĩ Quản trị kinh doanh*.

Dương Thanh Quốc, Trương Trí Thông. (2021). "Nâng cao chất lượng dịch vụ đào tạo ngành Quản trị khách sạn qua sự hài lòng của sinh viên - Trường hợp Trường Cao đẳng Kiên Giang", *Phần 2, Giáo dục với phát triển kinh tế và du lịch - Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế TED-2021*.

Hoàng Thị Phương Thảo, Nguyễn Kim Thảo. (2012). "Xây dựng hình ảnh

**Xem tiếp trang 122**